TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2022/DS-PT
Ngày: 28-7-2022
V/v "tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Quốc

Ông Võ Bảo Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận K bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông **Vũ Cao Q**, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Đường C, phường A, quận B,, thành phố Cần Thơ.

1.2. Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Đường B, khu vực A, phường C, quận K, thành phố Cần Thơ.

1.3. Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: đường V, phường A, quận K, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông **Lê Tuấn K** hoặc ông **Trần Văn A** (ông Á có mặt).

Địa chỉ: T, phường H, quận K, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Võ Thanh H**, sinh năm 1957 (có mặt);

2.2. Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: Y, phường U, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Võ Thanh H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của các nguyên đơn trình bày: Ngày 15/10/2019 phía các nguyên đơn gồm ông Vũ Cao Q, ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị N cùng với ông Võ Thanh H và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng N thỏa thuận ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Cần Thơ để thống nhất mua chung 41.206,5m^2 đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Hậu Giang với tổng giá trị là 15 tỷ đồng. Tổng số tiền mà các bên góp vào nhận chuyển nhượng cụ thể là: Ông Vũ Cao Q số tiền 06 tỷ đồng, tương đương 40%; ông Võ Thanh H 4,5 tỷ đồng, tương đương 30%; bà Lê Thị N số tiền 3 tỷ đồng, tương đương 20%; ông Huỳnh Văn T góp số tiền 1,5 tỷ đồng, tương đương 10%. Toàn bộ số tiền trên phía các nguyên đơn đã góp và đưa đầy đủ bằng tiền mặt cho ông Võ Thanh H để toàn quyền quyết định thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất với những người có nhu cầu cần chuyển nhượng đất.

Ngày 20/01/2020 các bên lập Biên bản thỏa thuận để xác định đồng chủ sở hữu tài sản chung. Việc thỏa thuận xác định số tiền mua đất và tỷ lệ hùn vốn như hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 15/10/2019. Ngoài ra, còn xác định ông H đã được đứng tên trên 15 GCNQSDĐ bản chính được ông H/bà N đồng ý giao lại cho ông Vũ Cao Q giữ để đảm bảo quyền lợi chung của các bên.

Ngày 05/10/2020 các bên đã bàn bạc và thống nhất cùng lập Biên bản thỏa thuận cho vợ chồng ông H nhận nợ và phía nguyên đơn đồng ý chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp bằng giá trị quyền sử dụng đất cho ông Võ Thanh H/bà Nguyễn Thị Hồng N được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt tất cả quyền sử dụng đất do họ có nhu cầu nhận chuyển nhượng lại toàn bộ quyền sử dụng đất và đang có lợi thế là vợ chồng H/N đang đứng tên sở hữu toàn bộ tất quyền sử dụng đất có từ việc hùn vốn nhận chuyển nhượng chung.

Theo thỏa thuận ngày 05/10/2020 ông H/bà N đồng ý mua lại toàn bộ giá trị các QSDĐ đã đầu tư chung và thối hoàn trả cho 03 người của phía nguyên đơn (Q, N và T) số tiền cụ thể là 17.517.000.000 đồng và để cho phía các nguyên đơn tự

phân chia lại với nhau. Phương thức thanh toán là tiền mặt, phải thanh toán trong vòng 70 ngày kể từ ngày lập biên bản thỏa thuận, sau 70 ngày thì phải chịu lãi suất 1,5% tháng trên số tiền chậm trả nhưng thời hạn thanh toán không quá 03 tháng. Quá thời hạn nói trên thì ông Vũ Cao Q (được ủy nhiệm của ông T/bà N) được quyền khởi kiện yêu cầu đòi vợ chồng ông H, bà N phải thanh toán số tiền nợ gốc nói trên và lãi suất phát sinh.

Tại thời điểm ngày 05/10/2020 phía các nguyên đơn cũng đã giao trước cho bị đơn 02 bản chính GCNQSDĐ số AM 757933 và CO 809414 còn lại các bản chính GCNQSDĐ khác và các giấy tờ bản chính liên quan đến các phần đất đã nhận chuyển nhượng chung nhưng chưa nhận được GCNQSDĐ mang tên ông H sẽ được ông Vũ Cao Q giao trả lại khi ông H/bà N trả đủ khoản tiền nợ gốc và lãi suất.

Theo thỏa thuận ngày 05/10/2020 thì ông Q được ông T, bà N giao toàn quyền yêu cầu phía ông H/bà N thanh toán khoản tiền gốc và lãi (nếu phát sinh) nói trên và có nghĩa vụ tự phân chia lại cho các đồng sở hữu.

Sau khi lập thỏa thuận nói trên cho đến hiện nay phía ông H/bà N không thực hiện đúng như thỏa thuận. Mặc dù ông Q nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H/bà N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nhưng vợ chồng H/N mới chỉ chuyển khoản trả được một phần số tiền lãi tổng cộng là 450.000.000 đồng (lần 1: 240.000.000 đồng và lần 2: 210.000.000 đồng). Còn nợ lại số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/3/2021 là 338.265.000 đồng.

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau: Thống nhất có nhận chuyển nhượng cổ phần (QSDĐ) của các nguyên đơn. Hiện nay do điều kiện kinh doanh khó khăn nên xác định hiện nay còn nợ tiền chuyển nhượng của các nguyên đơn là 17.517.000.000đồng *(Mười bảy tỷ, năm trăm mười bảy triệu đồng)*. Nay ông cũng thống nhất trả nợ cho các nguyên đơn, phương án trả nợ như sau:

- Từ 17/5/2021 đến hết ngày 30/8/2021 ông sẽ trả cho các nguyên đơn số nợ còn lại là 17.517.000.000đồng *(Mười bảy tỷ, năm trăm mười bảy triệu đồng)*, đề nghị nguyên đơn không tính lãi tiếp tục. Đồng thời, khi ông trả được 50% phần nợ gốc thì các nguyên đơn phải giao lại bản gốc ½ các GCNQSDĐ cho ông.

- Trường hợp sau ngày 30/8/2021 cho đến 31/12/2021 nếu ông không thực hiện nghĩa vụ trả đủ số tiền nợ cho các nguyên đơn thì ông đồng ý tính lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc còn lại cho đến khi ông trả hết nợ cho các nguyên đơn.

Sau ngày 31/12/2021 mà ông không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Thi hành án đối với số nợ còn lại.

Ngày 22/02/2022 bị đơn đưa ra các phương án giải quyết vụ án như sau:

- Phương án 1: Bị đơn đề nghị hủy Vi bằng ngày 20/01/2020 được ký giữa các nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị sang tên trả lại QSDĐ theo thỏa thuận góp vốn là H 30%, Dung 20%, T 10% và Q 40% để đứng tên sở hữu chung. Bị đơn đồng ý mất số tiền đã trả cho các nguyên đơn.

- Phương án 2: Bị đơn đồng ý tiếp tục thực hiện theo Vi bằng ngày 20/01/2020, đồng ý trả số tiền gốc còn nợ cho các nguyên đơn là 17.517.000.000 đồng *(Mười bảy tỷ, năm trăm mười bảy triệu đồng)* trong thời gian từ ngày hòa giải 22/3/2022 đến hết ngày 31/8/2022 và đề nghị không trả lãi. Từ ngày 01/9/2022 nếu bị đơn không trả được số tiền 17.517.000.000 đồng *(Mười bảy tỷ, năm trăm mười bảy triệu đồng)* hoặc trả không đủ tiền cho các nguyên đơn thì bị đơn đồng ý trả lãi phát sinh do chậm thanh toán với mức lãi suất 1.5%/tháng, kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi trả xong nợ gốc nêu trên cho các nguyên đơn, thời gian trả không quá 31/12/2022.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại bản án sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận K xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Cao Q, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn T đối với bị đơn ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc bị đơn ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng N phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Vũ Cao Q, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn T số tiền nợ gốc 17.517.000.000 đồng (*mười bảy tỷ năm trăm mười bảy triệu đồng*) và số tiền nợ lãi là 3.483.876.000 đồng (*ba tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

Bị đơn ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng N còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án trên tổng số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn ông Vũ Cao Q, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn T theo mức lãi suất 1,5%/tháng.

Sau khi bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Hồng N đã hoàn thành xong nghĩa vụ trả các khoản tiền nợ gốc và nợ lãi cho các nguyên đơn ông Vũ Cao Q, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn T thì nguyên đơn ông Vũ Cao Q phải có trách

nhiệm giao trả ngay bản chính của 13 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nêu theo Vi bằng số 31/2020/VB-TPL ngày 20/01/2020 lập tại Văn phòng thừa phát lại G *(trừ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 80918 và AM 757933 bị đơn ông H đã được nhận lại theo Vi bằng số 453/2020/VB-TPL ngày 05/10/2020 tại VPTPL G)* cho bị đơn ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng N.

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 01 tháng 4 năm 2022, bị đơn ông H và N kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đề nghị hủy Vi bằng ngày 20/01/2020, đề nghị sang tên trả lại quyền sử dụng đất theo thỏa thuận góp vốn ban đầu ông Q: 40%, ông H: 30%, bà N: 20%, ông T: 10%.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu kháng cáo vì cho rằng phần đất nhận chuyển nhượng chung có liên quan đến ông NLQ, cần đưa ông NLQ vào tham gia tố tụng làm rõ vấn đề đất đã nhận chuyển nhượng chung. Tuy nhiên, phía bị đơn cũng thống nhất số tiền giá trị đất trả cho các nguyên đơn nhưng không được quyền tính lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng, việc thỏa thuận cùng nhau nhận chuyển nhượng đất giữa các đương sự có lập văn bản, sau đó cùng nhau thỏa thuận chuyển nhượng giá trị vốn góp, theo đó phía bị đơn đồng ý trả giá trị đất cho các nguyên đơn 17.517.000.000 đồng và có thỏa thuận lãi, việc thỏa thuận của các đương sự phù hợp với ý chí và quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn bà N tại phiên tòa, thấy rằng, bị đơn bà N đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không lý do, đồng thời bà N cùng có yêu cầu kháng cáo chung với ông H, ông H có mặt tại Tòa nên kháng cáo bà N vẫn được đảm bảo giải quyết nên tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy

định. Bên cạnh đó, tuy vắng mặt bà N nhưng có mặt ông H nên kháng cáo vẫn được xem xét mà không phải đình chỉ theo như ý kiến của đại diện nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định:

[2.1] Ngày 15/10/2019 giữa các nguyên đơn ông Vũ Cao Q, ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị N và bị đơn ông Võ Thanh H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hồng N cùng nhau ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Cần Thơ. Nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận góp vốn nhận chuyển nhượng chung 41.206,5m^2 đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Hậu Giang với tổng giá trị là 15 tỷ đồng (Ông Q góp vốn số tiền 06 tỷ đồng, ông H 4,5 tỷ đồng, bà N số tiền 3 tỷ đồng, ông Huỳnh Văn T góp số tiền 1,5 tỷ đồng, tương đương 10%. Ngày 20/01/2020 ông H và ông Q, ông T, bà N lập biên bản thỏa thuận về chủ sở hữu tài sản chung, đồng thời giao cho ông H được đứng tên trên 15 giấy chứng nhận QSDĐ toàn bộ diện tích đã nhận chuyển nhượng. Ngày 05/10/2020 ông Q, ông T, bà N và ông H lập biên bản thỏa thuận nợ và nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp, cụ thể các bên thỏa thuận như sau: Ông H, bà N đồng ý mua lại toàn bộ giá trị QSDĐ đầu tư chung và đồng ý thối trả cho ông Q số tiền 17.517.000.000 đồng, ông H được toàn quyền sở hữu toàn bộ QSDĐ vì có lợi thế ông H đang đứng tên QSDĐ, thời hạn thanh toán nợ gốc 17.517.000.000 đồng trong thời hạn 70 ngày (Không tính lãi) sau khi các bên lập biên bản, đến hết thời hạn 70 ngày nếu ông H, bà N không thanh toán đủ thì sẽ chịu lãi suất nợ quá hạn 1,5%/ tháng trên số nợ gốc còn thiếu. Biên bản thỏa thuận 05/10/2020 được Văn phòng thừa phát lại G lập vi bằng cùng ngày. Căn cứ vào thỏa thuận trên thể hiện bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết đã ký giữa các bên. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án phía các bị đơn đều thừa nhận các hợp đồng đã ký, xác nhận còn nợ lại tiền gốc như trình bày của các nguyên đơn, lời thừa nhận này là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên phải thực hiện theo thỏa thuận của mình đã xác lập, bị đơn cho rằng vụ việc có liên quan đến ông NLQ nhưng xét thấy, giữa các bên khi xác lập hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng chung và sau này là văn bản thỏa thuận bị đơn ông H thối trả cho các nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất đều không thấy có liên quan đến ông Thoài, ông Thoài cũng không có ký vào các biên bản thỏa thuận này nên lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở. Tại phiên tòa, bị đơn xác định nếu trả giá trị đất cho các nguyên đơn nhưng không được quyền tính lãi, qua đó bị đơn cũng đồng ý

trả giá trị đất cho các nguyên đơn nhưng không được quyền tính lãi, cho thấy, bị đơn kháng cáo đề nghị hủy các Vi bằng đã lập giữa bên nguyên đơn và bị đơn, đồng thời xác định lại tỷ lệ góp vốn như ban đầu là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi nguyên đơn yêu cầu: Theo thỏa thuận giữa các bên trong vi bằng đã lập, sau 70 ngày kể từ ngày lập vi bằng bị đơn không trả tiền thì sẽ chịu khoản lãi suất 1,5%, xét thấy thỏa thuận việc trả lãi và mức lãi là toàn phù hợp quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Về thời gian tính lãi như cấp xác định là 70 ngày sau khi lập vi bằng là đúng như thỏa thuận giữa các bên nên giữ nguyên. Ngoài ra, do các bên có thỏa thuận việc trả lãi chậm thanh toán nên tiền lãi vẫn được tính tiếp tục từ sau ngày xét xử sơ thẩm là từ ngày 22/3/2022 với mức lãi suất 1,5% do các bên thỏa thuận cho đến khi bị đơn trả hết số tiền trên cho các nguyên đơn.

[3] Đối với 13 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thể hiện tại Vi bằng số 31/2020/VB-TPL ngày 20/01/2020 lập tại Văn phòng thừa phát lại G thì sau khi bị đơn ông H, bà N trả hết nợ cho các nguyên đơn thì các nguyên đơn có nghĩa vụ giao lại cho bị đơn.

[4] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng quy định nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về phần án phí:

[5.1] Sơ thẩm: nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu. Tuy nhiên, là người cao tuổi nên được miễn.

[5.2] Phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu. Tuy nhiên, là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***** Căn cứ: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 275, 278, 280, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Tuyên xử: - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Hồng N.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận K.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Cao Q, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn T đối với bị đơn ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng N.

1.1 Buộc bị đơn ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng N phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Vũ Cao Q, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn T số tiền nợ gốc 17.517.000.000 đồng (*mười bảy tỷ năm trăm mười bảy triệu đồng*) và số tiền nợ lãi là 3.483.876.000 đồng (*ba tỷ bốn trăm tám mươi ba triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

1.2 Bị đơn ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng N còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày 22/3/2022 trên tổng số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn ông Vũ Cao Q, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn T theo mức lãi suất 1,5%/tháng.

1.3 Sau khi bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Hồng N đã hoàn thành xong nghĩa vụ trả các khoản tiền nợ gốc và nợ lãi cho các nguyên đơn ông Vũ Cao Q, bà Lê Thị N, ông Huỳnh Văn T thì nguyên đơn ông Vũ Cao Q phải có trách nhiệm giao trả ngay bản chính của 13 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nêu theo Vi bằng số 31/2020/VB-TPL ngày 20/01/2020 lập tại Văn phòng thừa phát lại G *(trừ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 80918 và AM 757933 bị đơn ông H đã được nhận lại theo Vi bằng số 453/2020/VB-TPL ngày 05/10/2020 tại VPTPL G)* cho bị đơn ông Võ Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng N.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Võ Thanh H và bà Nguyễn Thị Hồng N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T được nhận lại 32.782.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001028 ngày 13/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Cần Thơ.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn ông H và bà N được miễn. Không có thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP.Cần Thơ;*
- *Chi Cục THADS quận K;*
- *TAND quận K;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh